

DANH MỤC HÀNG HOÁ  
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM  
VÀ HỆ THỐNG BIỂU THUẾ

**DANH MỤC HÀNG HÓA  
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

# I.1. AHTN LÀ GÌ?

- AHTN (Asean Harmonised tariff Nomenclature) - Là danh mục thuế quan hài hoà Asean.
- Nghị định thư AHTN: là hiệp định xác định khung pháp lý trong việc thi hành Danh mục AHTN. Gồm có 10 điều.

Điều 1: Mục tiêu.

Điều 2: Nguyên tắc

Điều 3: Cấu trúc AHTN.

Điều 4: Nghĩa vụ các nước thành viên.

Điều 5: Sửa đổi đối với AHTN.

Điều 6: Thủ tục sửa đổi.

Điều 7: Các thoả thuận.

Điều 8: Trách nhiệm của ban thư ký ASEAN.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp.

Điều 10: Điều khoản cuối cùng

# ĐIỀU KHOẢN

## ➤ *Điều 3. Cơ cấu danh mục:*

- Danh mục AHTN có mã 8 số, trong đó 6 mã số đầu theo Công ước HS, mã số thứ 7, thứ 8 cho mục đích ASEAN.
- Danh mục AHTN và chú giải bổ sung (SEN) là bộ phận không thể tách rời của danh mục AHTN.

## ➤ *Điều 4: Nghĩa vụ các nước thành viên.*

- Áp dụng AHTN đến cấp độ 8 số cho giao dịch thương mại liên quan đến thuế quan, thống kê và các mục đích khác.
- Có thể thêm các phân tầng vượt qua cấp độ 8 chữ số cho mục đích Quốc gia

## I.3. CẤU TRÚC TỔNG QUÁT

Cấu trúc chung của cuốn Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, bao gồm:

- Các quy tắc tổng quát (6 quy tắc) giải thích việc phân loại hàng hoá.
- Các chú giải pháp lý Phần, Chương và Phân nhóm.
- Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam
- Chú giải SEN của AHTN .

# CẤU TRÚC TỔNG QUÁT CỦA DANH MỤC

Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam áp dụng toàn bộ AHTN 2022 được dịch sang tiếng Việt, gồm:

21 phần.

97 Chương

1228 nhóm hàng

4084 phân nhóm 6 số

11.414 phân nhóm 8 số

Chương	Số dòng AHTN		Số lượng thay đổi
	2017	2022	
87	932	1066	134
85	823	896	73
44	193	232	39
94	97	127	30
39	359	385	26
03	370	395	25
38	159	182	23
29	463	484	21
15	175	187	12
70	107	119	12

## I.4. CẤU TRÚC CHI TIẾT

Cấu trúc chi tiết của Danh mục HHXNK được chia làm 3 cột:

<b>Mã hàng</b>	<b>Mô tả hàng hoá</b>	<b>Đơn vị tính</b>
XXXX.XX.XX		

Cột 1: Thể hiện 8 chữ số số học trong đó 4 số đầu là mã hiệu Nhóm hàng, 2 số tiếp theo là mã hiệu Phân nhóm 6 số và 2 số cuối là mã hiệu Phân nhóm 8 số.

## I.4.1. NHÓM HÀNG

Tại Danh mục hàng hoá XK, NK Việt Nam mỗi Chương được chi tiết thành nhiều nhóm hàng, mỗi nhóm hàng được mã hoá bằng 4 số:

- Hai số đầu tiên chỉ mã hiệu của chương.
- Hai số tiếp theo xác định vị trí của nhóm hàng.

Ví dụ: 45.03: Các sản phẩm bằng lie tự nhiên



## I.4.2. PHÂN NHÓM 6 SỐ

Mã hoá cho Phân nhóm 6 số như sau: Phân nhóm cấp 1 và Phân nhóm cấp 2.

- Phân nhóm 6 số cấp 1: Chữ số thứ 6 là số 0 và được ký hiệu bởi một vạch ở cột mô tả Phân nhóm (cột thứ hai trong Danh mục).
- Phân nhóm 6 số cấp 2: Chữ số thứ 6 là số 1,2,... và được ký hiệu bởi hai vạch ở cột mô tả Phân nhóm (cột thứ hai trong Danh mục).

# VÍ DỤ

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Đơn vị
8436.10	-Máy chế biến thức ăn gia súc	Chiếc
8436.10.10	-- Hoạt động bằng điện	Chiếc
8436.10.20	-- Không hoạt động bằng điện	Chiếc
	- Máy chăm sóc gia cầm.....	Chiếc
8436.21	--Máy ấp trứng gia cầm và...	Chiếc
8436.21.10	---	

Phân nhóm 6 số cấp 1

Phân nhóm 6 số cấp 2

## I.4.3. PHÂN NHÓM 8 SỐ

Phân nhóm 6 số được chi tiết thành phân nhóm 8 số theo hệ thống vạch như sau:

- a) Phân nhóm 8 số thuộc phân nhóm 6 số cấp 1 sẽ được bắt đầu bằng cấp độ 2 (--) vạch tại cột mô tả hàng hoá.
- b) Phân nhóm 8 số thuộc phân nhóm 6 số cấp 2 sẽ được bắt đầu bằng cấp độ 3 vạch(---) tại cột mô tả hàng hoá

# VÍ DỤ

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Đơn vị
8436.10	-Máy chế biến thức ăn gia súc	Chiếc
8436.10.10	-- Hoạt động bằng điện	Chiếc
8436.10.20	-- Không hoạt động bằng điện	Chiếc
	- Máy chăm sóc gia cầm.....	Chiếc
8436.21	--Máy ấp trứng gia cầm và...	Chiếc
8436.21.10	--- Hoạt động bằng điện	Chiếc

Phân nhóm 6 số cấp 1

Phân nhóm 8 số cấp 1

Phân nhóm 6 số cấp 2

Phân nhóm 8 số cấp 2

### **I.4.3. PHÂN NHÓM 8 SỐ (TIẾP THEO)**

- c) Tùy theo mức độ cần chi tiết của hàng hoá mà phân nhóm 8 số được đánh số vạch phù hợp: 8 số 4 vạch, 8 số 5 vạch, 8 số 6 vạch.
- d) Trong trường hợp không chi tiết Phân nhóm 6 số thì được mã hoá bằng cách thêm 2 chữ số 00.

# VÍ DỤ

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Đơn vị
87.04	Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hoá	Chiếc
	---loại khác	Chiếc
8704.21.21	---- Xe đông lạnh	Chiếc
83.11	Dây, que, ống, tấm, điện cực...	Chiếc
8311.10.00	- Điện cực bằng kim loại cơ bản...	Chiếc

Phân nhóm 8 số 4 vạch

Phân nhóm 6 số không chia

### I.4.3. PHÂN NHÓM 8 SỐ (TIẾP THEO)

e) một số nhóm hàng không được chi tiết thành phân nhóm 6 số mà chi tiết luôn thành phân nhóm 8 số, thì ngoài mã nhóm hàng, các phân nhóm được mã hoá thêm 4 số 00.X0. Chữ số X là các số 1,2,3,4..9.

<b>Mã hàng</b>	<b>Mô tả hàng hoá</b>	<b>Đơn vị</b>
78.06	Các sản phẩm khác làm bằng chì	
7806.00.20	- Thanh, que, dạng hình dây	

## I.5. ÁP DỤNG

Danh mục hàng hoá XK,NK VN là cơ sở để:

- Xây dựng Biểu thuế đối với hàng hoá XK, NK;
- Phân loại hàng hoá XK, NK và các hàng hoá khác có liên quan đến hoạt động XK, NK;
- Thống kê nhà nước về hàng hoá XK,NK;
- Phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hoá XK, NK trong các lĩnh vực thương mại và các lĩnh vực khác.



## II. HỆ THỐNG BIỂU THUẾ VIỆT NAM

Dựa vào Danh mục Hàng hoá XK,NK Việt Nam, Bộ Tài chính đã xây dựng các biểu thuế áp dụng đối với hàng hoá XK,NK.

- Biểu thuế xuất khẩu.
- Biểu thuế nhập khẩu **ưu đãi**.
- Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Biểu thuế giá trị gia tăng.

# BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
52.08	Vải dệt thoi từ bông, có hàm lượng bông chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng, định lượng không quá 200 g/m <sup>2</sup> .	
	- Chưa tẩy trắng:	
5208.11.00	- - Vải vân điểm, định lượng không quá 100 g/m <sup>2</sup>	12
5208.12.00	- - Vải vân điểm, định lượng trên 100 g/m <sup>2</sup>	12

Ngoài Biểu thuế ưu đãi năm 2023 còn có các biểu thuế nhập khẩu khác theo các hiệp định thương mại tự do FTA:

- Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ASEAN – Nhật Bản
- Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ASEAN- Hàn Quốc
- .....

# BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI NĂM 2023

(BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2023 NGÀY 31/5/2023)

Bao gồm 98 chương (Chương 77 là chương dự phòng); Chương 1 đến Chương 97 , theo Danh mục hàng hoá XK,NK Việt Nam; Chương 98 Quy định mức thuế suất nhập khẩu riêng cho một số mặt hàng, nhóm mặt hàng đặc thù.

# NỘI DUNG CHƯƠNG 98

Chương 98 gồm 02 mục:

Mục I: Chú giải và điều kiện áp dụng thuế suất, thuế nhập khẩu ưu đãi riêng tại Chương 98.

- Chú giải chương
- Chú phân nhóm
- Cách thức phân loại, điều kiện để áp dụng mức thuế ưu đãi riêng tại Chương 98.

Mục II: Danh mục nhóm mặt hàng, mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi

# NỘI DUNG CHƯƠNG 98

- Chương 98 gồm **có 52 nhóm** mặt hàng, mặt hàng đã được quy định mã số và thuế suất nhập khẩu ưu đãi tại 97 Chương ở phần trên. Nhưng được quy định tên, mã số tại Chương 98 để quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu riêng.
- Người khai Hải quan: Khai đủ mã 08 số ghi tại 97 chương và ghi thêm mã số chương 98 bên cạnh.

# NỘI DUNG CHƯƠNG 98

Tên mặt hàng	Tỷ trọng (g/cm <sup>3</sup> )	Chỉ số nóng chảy - MFR/MI (g/10min)	Cường độ chịu lực (MPa)	Môđun uốn (MPa)
Hạt nhựa PolyPropylene dạng nguyên sinh	0,9	3,0 ±0,3	Đáp ứng 1 trong các tiêu chí sau: 32; 33; 34; 35; 36; 45	Đáp ứng 1 trong các tiêu chí sau: 1200; 1225; 1250; 1265; 1310; 1350; 1450; 1500; 1550; 1700

# BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU ƯU ĐÃI NĂM 2023

(BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH 26/2023/NĐ-CP NGÀY 31/5/2023)

STT	Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
1	03.01	Cá sống.	
		- Cá cảnh:	
	0301.11	- - Cá nước ngọt:	
	0301.11.10	- - - Cá bột	0
		- - - Loại khác:	
	0301.11.91	- - - - Cá chép Koi (Cyprinus carpio)	0
	0301.11.92	- - - - Cá vàng (Carassius auratus)	0

**Cảm ơn sự quan tâm của các bạn**

